CK.0000048968

GIA PHU - NGUYỄN VĂN ÁNH
NH HĂNG - TRẦN VĂN LA

Lịch sử thế giới trung đại

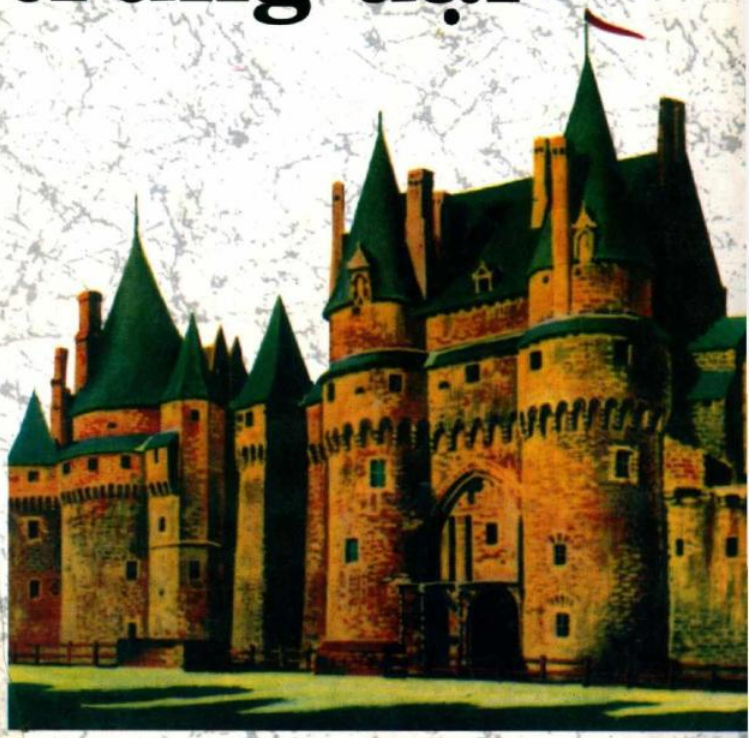

UYÊN
LIỆU

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN GIA PHU - NGUYỄN VĂN ÁNH
ĐỖ ĐÌNH HÃNG - TRẦN VĂN LA

LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI

(Tái bản lần thứ mười hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

PHÂN CÔNG BIÊN SOẠN :

Lời nói đầu	Nguyễn Gia Phu
Phần thứ nhất	
Các chương I, II, III, IV, V, IX, X	Nguyễn Gia Phu
Các chương VI, VII, VIII	Nguyễn Văn Ánh
Phần thứ hai	
Trung Quốc, Mông Cổ	Nguyễn Gia Phu
Triều Tiên	Trần Văn La
Nhật Bản, Ấn Độ	Nguyễn Văn Ánh
Ả Rập	Đỗ Đình Hãng

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

04 - 2008/CXB/456 - 1999/GD Mã số : 7X120h8 - DAII

LỜI NÓI ĐẦU

Ở phương Tây, Trung đại hay Trung cổ là một thuật ngữ dùng để chỉ giai đoạn lịch sử nằm giữa hai thời kì cổ đại và cận đại được các nhà nhân văn chủ nghĩa Italia nêu ra đầu tiên vào thế kỉ XVI, sang thế kỉ XVII được nhà sử học Đức Crixtôphơ Kenlơ vận dụng để chia tác phẩm "Lịch sử thế giới" của ông thành ba phần : cổ đại, trung đại và cận đại. Đến thế kỉ XVIII, thuật ngữ này được sử dụng phổ biến ở phương Tây. Tuy các học giả đã nhất trí cho rằng trung đại là giai đoạn ở giữa cổ đại và cận đại nhưng thời kì lịch sử này mở đầu và kết thúc vào lúc nào thì ý kiến rất khác nhau. Về mốc mở đầu, người ta chủ trương dựa vào các sự kiện lịch sử như các hoàng đế Rôma chết, ví như hoàng đế Đômixiêng chết năm 96, đế quốc Tây Rôma diệt vong (476), giáo hoàng Grêgoa I lên ngôi (590), người A Rập chiếm Giêrudalem (638), Sáclơmanhơ được tấn phong làm hoàng đế (800) v.v... Về mốc kết thúc, người ta căn cứ vào các sự kiện như đế quốc Đông Rôma diệt vong (1453), Crixtôphơ Côlômbô tìm ra châu Mĩ (1492), năm bắt đầu của phong trào cải cách tôn giáo ở Đức (1517) v.v... Rõ ràng là hầu hết những thời điểm được nêu ra ở trên đều không có ý nghĩa vạch thời đại.

Các nhà sử học mác–xít cho rằng lịch sử trung đại về cơ bản là lịch sử chế độ phong kiến, một hình thái kinh tế xã hội tiếp theo chế độ chiếm hữu nô lệ, mà niên đại đánh dấu sự kết thúc của chế độ chiếm hữu nô lệ, ở Tây Âu là năm 476, năm đế quốc Tây Rôma diệt vong. Còn sự kiện đánh dấu sự kết thúc thời trung đại và mở đầu cho thời kì cận đại là cuộc cách mạng tư sản Anh bắt đầu bùng nổ năm 1642.

Như trên đã nói, nội dung của lịch sử trung đại là lịch sử chế độ phong kiến, một chế độ xã hội phổ biến nhất trong lịch sử loài người. Về mặt thuật ngữ, chế độ phong kiến là một từ chuyển ngữ từ chữ féodalité hoặc féodalisme, một chữ bắt nguồn từ chữ feod trong tiếng Latinh nghĩa là lãnh địa cha truyền con nối. Ở Trung Quốc thời Tây Chu cũng có chế độ vua Chu đem đất đai phong cho bà con để kiến lập các nước chư hầu gọi là "phong kiến thân thích". Do chế độ này giống chế độ phong đất cho bồi thần ở Tây Âu nên người ta đã dùng chữ phong kiến để dịch chữ féodalité. Tuy vậy cả hai chữ này

chỉ mới phản ánh hình thức phân phong đất đai chứ chưa phản ánh bản chất của chế độ đó.

Vậy thì bản chất của chế độ phong kiến là gì ? Đó là một hình thái kinh tế xã hội trong đó có hai giai cấp cơ bản là giai cấp địa chủ phong kiến và giai cấp nông dân. Giai cấp địa chủ phong kiến chiếm hầu hết ruộng đất trong xã hội, còn giai cấp nông dân thì bị mất ruộng đất và bị biến thành nông nô. Trên cơ sở ấy, giai cấp địa chủ phong kiến bóc lột nông dân bằng địa tô và các hình thức cưỡng bức siêu kinh tế khác.

Ở Tây Âu, địa tô có ba hình thức là tô lao dịch, tô sản phẩm và tô tiền. Riêng với hình thức tô lao dịch, mỗi hộ nông dân được lãnh chúa của mình giao cho một mảnh đất để làm ăn sinh sống, nhưng họ có nghĩa vụ mỗi tuần phải đem theo súc vật và nông cụ đến làm việc trên ruộng đất của chủ từ 3 – 4 ngày. Trong thời kì đầu của thời trung đại, hình thức địa tô này áp dụng phổ biến nhất ở Tây Âu. Về sau khi nền kinh tế hàng hoá phát triển, các hình thức địa tô khác (gọi chung là tô đại dịch) mới dần dần thay thế tô lao dịch. Sự thay đổi hình thức địa tô không hề làm giảm bớt tỉ lệ bóc lột, nhưng đã nới lỏng sự quản lí của chủ đối với nông nô.

Ngoài việc bắt nông nô phải nộp địa tô cho mình, giai cấp phong kiến còn buộc chặt nông dân vào mảnh đất được chia hết đời này sang đời khác và có quyền can thiệp vào nhiều mặt trong đời sống của họ.

Lịch sử trung đại phương Tây kéo dài 12 thế kỉ (từ thế kỉ V – XVII), trong đó căn cứ theo tiến trình của chế độ phong kiến có thể chia thành ba thời kì là sơ kì, trung kì và mạt kì.

Thời sơ kì trung đại kéo dài từ thế kỉ V – X là thời kì hình thành chế độ phong kiến. Trong thời kì này, trên cơ sở diệt vong của đế quốc Tây Rôma, nhiều vương quốc mới đã ra đời, trong số đó tiêu biểu nhất là vương quốc Frăng. Ở các quốc gia này, hầu hết ruộng đất trong xã hội dần dần tập trung vào tay giai cấp phong kiến thế tục và Giáo hội và biến thành những lãnh địa truyền từ đời này sang đời khác. Đồng thời đây cũng là quá trình nông nô hoá nông dân và trang viên hoá nền kinh tế trong nước.

Thời trung kì trung đại kéo dài từ thế kỉ XI – XV là thời kì phát triển của chế độ phong kiến. Trong thời kì này, chế độ nông nô càng vững chắc, thế lực giai cấp lãnh chúa phong kiến càng phát triển, do đó dẫn đến tình trạng chia cắt phong kiến tồn tại phổ biến ở Tây Âu. Nhưng, từ thế kỉ XI, nền kinh tế hàng hoá bắt đầu phát triển dẫn đến sự ra đời của thành thị và một tầng lớp xã hội mới là thị dân, tầng lớp ngày càng có vai trò quan trọng về mọi mặt

trong tiến trình lịch sử. Cũng từ đây, nền văn hoá sau nhiều thế kỉ bị lụi tàn lại bắt đầu khởi sắc. Tuy nhiên do sự phát triển của chế độ phong kiến và của nền kinh tế hàng hoá, sự bóc lột và nô dịch đối với nông dân càng tăng cường nên ở các nước Tây Âu đã diễn ra nhiều cuộc khởi nghĩa tương đối lớn của nông dân.

Thời mạt kì trung đại kéo dài từ đầu thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XVII là thời kì tan rã của chế độ phong kiến. Do sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế hàng hoá, quan hệ tư bản chủ nghĩa vốn đã có mầm mống ở Italia từ thế kỉ XIV, giờ đây phát triển phổ biến ở Tây Âu dẫn đến sự ra đời của hai giai cấp mới là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Trên cơ sở những biến đổi lớn lao về kinh tế xã hội, ở các nước Tây Âu đã có những thay đổi quan trọng về nhiều mặt như đổi mới về tư tưởng, phát triển nhảy vọt về văn hoá, xác lập chế độ quân chủ chuyên chế ở một số nước... nhưng đồng thời mâu thuẫn trong xã hội cũng ngày càng gay gắt và phức tạp nên đã dẫn đến các phong trào cải cách tôn giáo và khởi nghĩa nông dân rầm rộ mà tiêu biểu nhất là ở Đức. Riêng ở Nêđéclan, ngoài những điều kiện xã hội nói trên còn tồn tại mâu thuẫn dân tộc gay gắt giữa nhân dân Nêđéclan với giai cấp thống trị ngoại lai Tây Ban Nha, nên đã sớm nổ ra cuộc cách mạng làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc và do đó đã dẫn đến sự ra đời của nước Hà Lan, nhà nước cộng hoà tư sản đầu tiên trên thế giới. Do quan niệm cho rằng từ khi bắt đầu diễn ra phong trào văn hoá phục hưng về sau là thời kì cận đại ; nên trước đây nhiều học giả phương Tây cho rằng trung đại là một thời kì hoàn toàn đen tối gắn liền với lạc hậu và bạo tàn nên gọi là "đêm trường trung cổ". Thực ra, dù cho trong giai đoạn đầu, sự phát triển về kinh tế và văn hoá có chậm chạp như thế nào đi nữa thì phương thức sản xuất phong kiến vẫn là một bước tiến của lịch sử so với chế độ chiếm hữu nô lệ. Vả chăng từ thế kỉ XV về sau, lịch sử trung đại phương Tây đã lật sang những trang tương đối huy hoàng với những thành tựu mới về sự phát triển của công thương nghiệp, của văn hoá nói chung và khoa học kĩ thuật nói riêng. Hơn nữa chính trong thời trung đại, các quốc gia và các dân tộc ở châu Âu đã hình thành. Cuối cùng, chính từ trong lòng chế độ phong kiến đã thai nghén một phương thức sản xuất mới tiến bộ hơn, đó là chủ nghĩa tư bản. Vì vậy, phủ nhận hoặc đánh giá không thoả đáng giai đoạn lịch sử này đều là những quan điểm phiến diện thiếu khoa học.

Lịch sử trung đại phương Tây là lịch sử chế độ phong kiến trên phạm vi toàn châu Âu, trong đó chế độ phong kiến ở Tây Âu xuất hiện và tan rã sớm hơn nhiều so với các khu vực khác, hơn nữa những nội dung quan trọng nhất của lịch sử trung đại phương Tây về kinh tế, xã hội, chính trị, tôn giáo, văn

hoá, đấu tranh giai cấp v.v... chủ yếu diễn ra ở Tây Âu. Do vậy với điều kiện thời gian dành cho phần lịch sử này ở chương trình cơ sở có hạn, nên chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu lịch sử Tây Âu mà thôi. Hơn nữa do đặc điểm của khu vực này, nhiều phong trào, nhiều biến động lịch sử không phải chỉ xảy ra trong từng quốc gia riêng lẻ mà thường trở thành những sự kiện chung của cả Tây Âu, do đó lịch sử trung đại phương Tây không viết theo từng nước mà theo những vấn đề cơ bản, những sự kiện quan trọng và có tính chất tiêu biểu của cả khu vực để qua đó nói lên nội dung chủ yếu của chế độ phong kiến ở khu vực này.

*

* *

So với phương Tây, lịch sử phương Đông trong giai đoạn này có nhiều khác biệt.

Thời cổ đại, ở phương Đông có 4 trung tâm văn minh lớn là Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc, trong đó chỉ có lịch sử hai nước lớn là Ấn Độ và Trung Quốc được phát triển liên tục, còn Ai Cập và các nước ở Tây Á thì trải qua rất nhiều biến động, đến thế kỉ VII đều trở thành những bộ phận của đế quốc A Rập. Do vậy, nếu chia lịch sử phương Đông trước thế kỉ XIX thành 2 giai đoạn lớn là Cổ đại và Trung đại thì thực tế chỉ có Ấn Độ và Trung Quốc mà thôi.

Ngoài những nước nói trên, vào những thế kỉ trước và sau Công nguyên, ở phương Đông còn lần lượt xuất hiện nhiều quốc gia ở Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Như vậy, đến thời kì này, ở phương Đông đã tồn tại nhiều quốc gia có trình độ phát triển cao về kinh tế và văn hoá. Tuy thế, giáo trình này chỉ tập trung giới thiệu lịch sử một số nước tiêu biểu như Trung Quốc, Ấn Độ, A Rập, Nhật Bản, Triều Tiên, Mông Cổ mà thôi. Về mặt địa lí, những quốc gia này đã bao gồm đại bộ phận đất đai ở phương Đông, và về chính trị, kinh tế xã hội, văn hoá đã thể hiện được những nội dung và đặc điểm chủ yếu của lịch sử khu vực này thời Trung đại. Riêng Mông Cổ tuy là một nước ra đời rất muộn, về kinh tế, văn hoá không có gì nổi bật nhưng đó là một đế quốc có liên quan đến lịch sử nhiều nước không chỉ ở châu Á mà cả ở châu Âu nữa.

Việc xác định thời gian bắt đầu của lịch sử Trung đại phương Đông là một vấn đề không đơn giản như ở phương Tây. Do sự phát triển độc lập của lịch sử các nước phương Đông, việc tìm một mốc thời gian chung mở đầu cho lịch sử Trung đại phương Đông là một việc hầu như không thể thực hiện được. Không những thế, việc tìm một ranh giới thời gian để phân chia lịch sử cổ đại và

trung đại của Trung Quốc và Ấn Độ cũng là một việc không dễ được mọi người nhất trí. Sở dĩ như vậy là vì sự khác biệt về phương thức sản xuất giữa giai đoạn trước và giai đoạn sau ở Trung Quốc không phải là một sự khác nhau về bản chất, còn ở Ấn Độ thì không có gì khác nhau.

Do đặc điểm đó, việc mở đầu lịch sử trung đại Trung Quốc bằng sự kiện nước Tần thống nhất cả nước năm 221 TCN, và lịch sử trung đại Ấn Độ được bắt đầu khi vương triều Gupta thành lập năm 320 chỉ có tính chất quy ước. Còn lịch sử các nước khác như Triều Tiên, Nhật Bản thì trình bày từ khi thành lập nhà nước cho đến thế kỉ XIX.

Về mặt phương thức sản xuất, xã hội phương Đông thời trung đại cũng là xã hội phong kiến nhưng quan hệ phong kiến ở đây thuộc một loại hình khác phương Tây.

Ở phương Đông có hai hình thức sở hữu ruộng đất : sở hữu nhà nước (quốc hữu) và sở hữu tư nhân (tư hữu). Do vậy, giai cấp nông dân cũng bao gồm nhiều loại : nông dân canh tác ruộng đất của nhà nước do làng xã giao cho, nông dân lĩnh canh ruộng đất của địa chủ, ngoài ra còn có nông dân tự cày cấy ruộng đất của mình. Những nông dân canh tác ruộng đất của nhà nước hoặc ruộng đất của mình có nghĩa vụ phải nộp thuế *cho nhà nước, còn những nông dân lĩnh canh ruộng đất của địa chủ thì phải nộp* tô.

Như vậy, chế độ phong kiến ở phương Đông bao gồm 2 quan hệ là quan hệ nhà nước - nông dân *và quan hệ* địa chủ - tá điền. *Tình hình này ở phương Đông không phải là một vấn đề mới. Ở Trung Quốc, từ thời Xuân Thu về trước đã tồn tại quan hệ thứ nhất, từ thời Chiến Quốc về sau thì cả hai quan hệ cũng tồn tại. Riêng Ấn Độ thì trong suốt thời cổ trung đại hầu như chỉ có quan hệ thứ nhất mà thôi. Tình hình Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản v.v... cũng tương tự như vậy, nhưng xu hướng chung là trong thời kì đầu ruộng đất chủ yếu thuộc về nhà nước, về sau ruộng tư mới dần dần phát triển.*

Do sự phát triển chậm chạp của nền kinh tế hàng hoá nên tuy ở một số nước từ thế kỉ XVI về sau mầm mống của chủ nghĩa tư bản đã xuất hiện, nhưng nhân tố ấy còn hết sức nhỏ yếu nên chưa đủ sức gây nên những ảnh hưởng quan trọng về các mặt đối với tiến trình lịch sử phương Đông.

Trong hoàn cảnh ấy, đến thế kỉ XVIII, XIX, đa số các nước phương Đông bị các đế quốc phương Tây xâm lược do đó đã bị biến thành những nước thuộc địa hoặc nửa thuộc địa. Riêng Nhật Bản là một trường hợp đặc biệt, đã chuyển từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa nhưng bước ngoặt

lịch sử đó cũng diễn ra vào năm 1868 tức là năm bắt đầu thực hiện cuộc "Minh Trị duy tân".

Tuy về hình thái kinh tế xã hội và về thể chế chính trị, ở phương Đông có nhiều điểm tương đồng nhưng sự phát triển lịch sử của các nước ở đây mang tính độc lập rất lớn. Vì vậy, về phương pháp thể hiện, lịch sử phương Đông không trình bày theo vấn đề như lịch sử trung đại phương Tây mà phải trình bày theo từng nước.

Các tác giả